TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HSST
Ngày: 16 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Thanh Cường,

Ông: Đỗ Cao Thế.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hương, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2017/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lê Thuận T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 21 tháng 10 năm 1988; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Thuận T và bà Dương Thị D; tiền án: Có 01 tiền án: Bản án số 63/2015/HSST ngày 05/02/2015, của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm tại bản án số 101/2015/HSPT ngày 25/5/2015. Chấp hành án tại trại giam Sông Cái, ra trại ngày 03 tháng 8 năm 2016; tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 30/11/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 250/2007/HSST; ngày 11/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 70/2009/HSST; ngày 20/5/2017 có hành vi "Cướp giật tài sản" tại thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, ngày 03/7/2017 Công an huyện Vĩnh

Linh, tỉnh Quảng Trị khởi tố và bắt tạm giam; ngày 07 tháng 7 năm 2017 bị Công an huyện Lệ Thủy khởi tố về tội "Cướp giật tài sản".

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa theo Lệnh trích xuất.

2. Bị cáo Trần Văn M; tên gọi khác "B"; sinh ngày 27 tháng 6 năm 1985; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị L; có 02 vợ Phạm Thị M ly hôn năm 2015 và Trần Thị L ly hôn năm 2017; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 24/02/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 30 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và "Cưỡng đoạt tài sản" tại bản án số 04/HSST; ngày 15/8/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 21 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và tội "Chống người thi hành công vụ" tại bản án số 16/HSST; ngày 08/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại bản án số 26/2011/HSST; ngày 20/5/2017 có hành vi "Cướp giật tài sản" tại thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, ngày 03/7/2017 Công an huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị khởi tố và bắt tạm giam; ngày 07 tháng 7 năm 2017 bị Công an huyện Lệ Thủy khởi tố về tội "Cướp giật tài sản".

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa theo Lệnh trích xuất.

- *Người bị hại:* Chị Phan Thị T, địa chỉ: Tiểu khu N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn D, địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Dương Đức T, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3. Ông Lê Thuận T, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/6/2017, Lê Thuận T rủ Trần Văn M về thành phố Đồng Hới mua ma túy để sử dụng và tìm kiếm tài sản để trộm, cướp, cướp giật lấy tiền tiêu xài. M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu sơn đen – xám, chở T về thành phố Đồng Hới. Đến khoảng 12

giờ M và T chở nhau chạy trên đường tránh đến cột đèn xanh đỏ đường tránh (theo hướng Đồng Hới - Lệ Thủy) M và T phát hiện chị Phan Thị T điều khiển xe mô tô chạy phía trước, bên trái ghi đông có treo túi xách màu hồng, M điều khiển xe đuổi theo. Khi đến địa phận thôn Y, xã L, huyện Q, M chạy xe áp sát vào chị T, T ngồi sau dùng tay giật túi xách làm chị T ngã xuống đường, túi xách văng ra đường, chị T chạy tới ôm túi xách, T bảo M dừng xe lại, T chạy tới giật túi xách trên tay chị T, chị T ôm giằng túi xách, T dùng chân đạp vào bụng chị T và đồng thời giật lấy túi xách trên tay chị T chạy đến chỗ M đang dừng xe, M chở T đến ngã năm cầu Quán Hàu rẻ lên đường 9B theo đường mòn Hồ Chí Minh về Lệ Thủy. Tài sản cướp được gồm có 01 túi xách, 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại Iphone 6 plus màu xám, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá ngày 11/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Quảng Ninh kết luận 01 (một) túi xách da màu hồng nhạt có kẻ ô trị giá 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), 01 (một) điện thoại Iphone 6 plus màu xám trị giá 5.900.000đồng (năm triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo M đều khai nhận hành vi cuả mình như đã nêu trên. Bị cáo T đã thừa nhận rủ bị cáo M về Đồng Hới thấy ai sơ hở thì trộm cắp, cướp, cướp giật tài sản, do cướp giật của chị T không thành nên T bảo M dừng xe lại để T thực hiện hành vi cướp tài sản của chị T cho bằng được. Các bị cáo cho rằng không có sự bàn bạc kỹ lưỡng khi thực hiện hành vi phạm tội.

Bị hại chị Phan Thị T đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì và có đơn xin bãi nại không truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Bản Cáo trạng số 26/THQCT-KSĐT-KT ngày 06/11/2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Lê Thuận T và Trần Văn M tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 133; Điều 33; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999 (được sửa đổi bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009) đối với bị cáo Lê Thuận T, xử phạt T từ 36 đến 42 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 133, các điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999 (được sửa đổi bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009), xử phạt Trần Văn M từ 36 đến tháng 42 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý trong vụ án khác nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên không xem xét.

Bị cáo T và bị cáo M thừa nhận hành vi phạm tội của mình như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Lê Thuận T và bị cáo Trần Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Vào ngày 03/6/2017, các bị cáo đã công khai, nhanh chóng giật lấy tài sản của người bị hại nhưng do chủ sở hữu ngã và ôm được túi xách, T bảo M dừng xe lại để T đến dùng chân đạp vào bụng chị T nhằm cướp tài sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự thì "Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm". Như vậy, hành vi dùng chân đạp vào bụng chị T làm cho chị T hoảng sợ không thể chống cự được buộc phải thả túi xách cho bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản. Bị cáo M tuy không trực tiếp thực hiện hành vi cướp nhưng ý thức chủ quan của bị cáo mong muốn T thực hiện bất cứ hành hành vi nào nhằm đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản, do đó bị cáo M chịu trách nhiệm đồng phạm về tội "Cướp tài sản". Xét thấy, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đã có đủ căn cứ để kết luận: Các bị cáo Lê Thuận T và Trần Văn M đã phạm vào tội "Cướp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999 (được sửa đổi bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009).

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo thấy rằng:

Vụ án có 02 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên chỉ mang tính đồng phạm đơn giản, không có sự bàn bạc, không có sự tính toán kỹ càng, chu đáo và không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, không chỉ xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân nên cần phải nghiêm trị để làm gương cho kẻ khác. Các bị cáo là thanh niên có sức khoẻ, nhưng không chịu khó lao động, không chịu tu dưỡng đạo đức, rèn luyện để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội mà ngược lại thích kiếm tiền trên công sức lao động của người khác, nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử lý nghiêm khi quyết định hình phạt cho các bị cáo nhằm cải tạo, đảm bảo tính giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo T: Bị cáo thừa nhận rủ bị cáo M tìm tài sản để trộm, cướp, cướp giật, M đồng ý, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA do T trước đó trộm cắp tại Đồng Hới chở T thực hiện hành vi. Bị cáo trực tiếp giật tài sản, không giật được bị cáo đã dùng chân đạp vào bụng của bị hại để cướp tài sản, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội khi đã có 01 tiền án ngày 05/02/2015, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 63/2015/HSST; ngày 25/5/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm chưa được xóa án tích mà còn phạm tội mới. Ngoài ra, ngày 30/11/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 250/2007/HSST; ngày 11/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 70/2009/HSST; ngày 20/5/2017 có hành vi "cướp giật tài sản" tại thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị đang bị Công an huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị khởi tố và bắt tạm giam; ngày 07 tháng 7 năm 2017 bị Công an huyện Lệ Thủy khởi tố về tội "Cướp giật tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục lấn sâu vào con đường phạm tội, tiếp tục vi phạm pháp luật; điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo Tuần phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm cần áp dụng hình phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo bị cáo.

Đối với bị cáo M: Tham gia với vai trò đồng phạm, khi nghe bị cáo T rủ rê đi tìm tài sản trộm, cướp, cướp giật lấy tiền tiêu xài, đáng lẽ ra bị cáo phải khuyên ngăn, nhưng ngược lại bị cáo đồng ý và điều khiển xe chở T để thực hiện hành vi, sau khi T không lấy được tài sản, T bảo M dừng xe để T thực hiện hành vi cướp tài sản, mặc dù M không phải là người trực tiếp thực hiện hành vi nhưng ý thức chủ quan của bị cáo mong muốn để T thực hiện bất cứ thủ đoạn gì mục đích chiếm đoạt được tài sản. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi mà mình đã gây ra. Bị cáo M có nhân thân xấu, ngày 24/02/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt

30 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và "Cưỡng đoạt tài sản" tại bản án số 04/HSST; ngày 15/8/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 21 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và tội "Chống người thi hành công vụ" tại bản án số 16/HSST; ngày 08/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại bản án số 26/2011/HSST; ngày 20/5/2017 có hành vi "Cướp giật tài sản" tại thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; ngày 07 tháng 7 năm 2017 bị Công an huyện Lệ Thủy khởi tố về tội "Cướp giật tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục vi phạm pháp luật thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do vậy, cần áp dụng các quy định của pháp luật để xử phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Ngày 05/02/2015, bị cáo Lê Thuận T bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 63/2015/HSST nhưng chưa được xóa án tích lại phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Tuấn có thêm tình tiết bồi thường khắc phục hậu quả xảy ra được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo được người bị hại có thiệt hại về tài sản, có đơn bãi nại xin, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về vật chứng vụ án: Các vật chứng được thu giữ gồm: 01 túi xách da, có tay đeo màu hồng nhạt kẻ ô, kích thước 15cmx20cm; 01 điện thoại di động Iphone 6plus màu xám đã qua sử dụng của chị Thạnh. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Thị T. Quá trình điều tra không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc xe mô tô YAMAHA Sirius các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội đã bị tịch thu và xử lý trong vụ án khác nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bố bị cáo T ông Lê Thuận T đã bồi thường cho chị T 1.000.000đ, chị Tđã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét. Anh Nguyễn Văn D, đã mua chiếc điện thoại của T

với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), anh D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

[7] Đối với anh Nguyễn Văn D, đã mua chiếc điện thoại với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) anh D không biết điện thoại T đem bán là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh D. Đối với Dương Đức T là người giới thiệu cho bị cáo T bán điện thoại, do T không biết điện thoại bị cáo T bán do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm đối với Dương Đức T. Cần nhắc nhở rút kinh nghiệm trước phiên tòa.

[8] Về án phí*:* Bị cáo Lê Thuận T và Trần Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thuận T phạm tội "*Cướp tài sản";*

Áp dụng khoản 1 Điều 133, các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999 (được sửa đổi bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009);

Phạt bị cáo Lê Thuận T 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội "*Cướp tài sản";*

Áp dụng khoản 1 Điều 133, các điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999 (được sửa đổi bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009);

Phạt bị cáo Trần Văn M 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Không xem xét

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Thuận T và Trần Văn M, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn